

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 01 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thúy H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, nguyên đơn chị Trịnh Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thúy H và anh Trần Văn Tr tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Tr thường xuyên gây nộ, chơi bời không lo làm ăn, chị H đã nhiều lần tha thứ cho anh Tr nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Chị H xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Tr được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh Tr có 01 người con tên Trần Trọng Ng sinh ngày 18/7/2015, hiện chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị

H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn Tr, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Tr không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tr.

[2] Về hôn nhân: Chị H với anh Tr tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thúy H với anh Trần Văn Tr được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị H với anh Tr không cùng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm với anh Tr và không thể tiếp tục chung sống với anh Tr được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Tr; đối với anh Trần Văn Tr, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H, điều này cho thấy anh Tr đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị H với anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh Tr là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Trần Trọng Ng sinh ngày 18/7/2015, đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng; đối với anh Tr không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Tr và chị H ly thân cho đến nay cháu Ng do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Ng vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Ng cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Tr không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thúy H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thúy H. Cho chị Trịnh Thúy H được ly hôn với anh Trần Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trọng N sinh ngày 18/7/2015 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011439 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng